

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 02/2019/DS-ST

Ngày: 30/12/2019.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan;
Ông Nguyễn Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án theo lý do 03/2019/ TLST- DS ngày 05 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ

Địa chỉ: Tháp BIDV, 35 H, phường L, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: + Ông Đậu Khắc L - Giám đốc phòng giao dịch Đ, BIDV Thanh Hóa.

+ Ông Đặng Cẩm H - Phó trưởng phòng

Quản lý rủi ro, BIDV Thanh Hóa.

(Quyết định ủy quyền số 34B/QĐ-BIDV.TH ngày 15/01/2019)

Bị đơn: - Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977.

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn Đ (nay là thôn C), xã Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn Đ (nay là thôn C), xã Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên Tòa cả mặt ông H; ông L, anh Dương vắng mặt; chị Hạnh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày: Ngày

19/4/2016, giữa Ngân hàng TMCP Đ (sau đây gọi là ngân hàng) và anh Nguyễn Văn Đ, chị Nguyễn Thị H có ký Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8481060/HĐTD, cho anh Đ và chị H vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay: sửa chữa nhà ở; Lãi suất cho vay trong hạn: áp dụng theo chương trình của gói tín dụng “An gia lập nghiệp năm 2016” với mức lãi suất 7,95%/năm trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu. Hết thời hạn 12 tháng ưu đãi của chương trình áp dụng lãi suất cho vay đối với sản phẩm cùng loại theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ và được điều chỉnh 06 tháng/01 lần vào ngày 01/01 và ngày 01/7 hàng năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Kế hoạch trả nợ: nợ gốc được trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả gốc đầu tiên là ngày 25/05/2016, số tiền trả mỗi kỳ là 2.500.000đ; lãi vay được bên vay trả định kỳ hàng tháng vào ngày 25.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 323-1, tờ bản đồ số 3, địa chỉ tại thôn Đ (nay là thôn C), xã Q, thành phố T, đã được UBND thành phố T, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 584769 ngày 09/01/2014, mang tên anh Nguyễn Văn Đ theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/8481060/HĐBĐ ngày 19/4/2016 đã được công chứng hợp pháp tại Văn phòng công chứng H, số vào sổ công chứng 2370, quyển số 02 ngày 19/4/2016. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Thanh Hóa ngày 19/4/2019.

Ngày 20/4/2016, ngân hàng đã giải ngân số tiền 150.000.000đ cho anh Đ và chị H theo bảng kê rút vốn ngày 20/4/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Đ và chị H đã trả được cho Ngân hàng 39.500.000 đồng tiền gốc và 16.317.817 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày 25/7/2017, anh Đ, chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ và chuyển sang nợ quá hạn.

Đến ngày 07/12/2018, chị H trả được số tiền nợ gốc cho ngân hàng là 4.000.000đ.

Tại phiên tòa Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền nợ gốc là 4.000.000đ.

Tính đến ngày 30/12/2019, anh Đ, chị H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 141.260.014 đồng, trong đó:

Nợ gốc: 106.500.000 đồng ;

Nợ lãi trong hạn: 19.002.948 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 15.757.066 đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh từ ngày 31/12/2019 cho đến ngày anh Đ và chị H trả hết nợ gốc cho

Ngân hàng theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 01/2016/8481060/HĐTD ngày 19/4/2016.

Nếu anh Đ, chị H không trả được các khoản nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp nêu trên.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày tại biên bản lấy lời khai của đương sự:

Ngày 19/4/2016, giữa vợ chồng chị là Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thị H có ký hợp đồng tín dụng số 01/2016/8481060/HĐTD với Ngân hàng TMCP Đ để vay số tiền 150.000.000đ như ngân hàng trình bày.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 323-1, tờ bản đồ số 3, địa chỉ tại thôn Đ (nay là thôn C), xã Q, thành phố T, đã được UBND thành phố T, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 584769 ngày 09/01/2014, mang tên anh Nguyễn Văn Đư theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/8481060/HĐĐ19/4/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng chị đã trả được cho ngân hàng: 39.500.000 đồng tiền gốc và 16.317.817 đồng tiền lãi. Kể từ ngày 25/7/2017, vợ chồng chị vi phạm nghĩa vụ trả nợ và chuyển sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 25/10/2018, vợ chồng chị còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 124.043.380 đồng, trong đó:

Nợ gốc: 110.500.000 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 11.905.147 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 5.638.233 đồng.

Đến ngày 07/12/2018, chị trả được 4.000.000đ nợ gốc cho ngân hàng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh từ ngày 26/10/2018 cho đến ngày vợ chồng chị trả hết nợ gốc cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 01/2016/8481060/ HĐTD ngày 19/4/2016 thì chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Nếu vợ chồng chị không trả được nợ cho Ngân hàng thì chị cũng đồng ý để Ngân hàng kê biên, phát mại tài sản thế chấp nêu trên.

Ngày 14/8/2019, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã có Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú số 08/2019/QĐST-DS ngày 14/8/2019 đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh Đ nhưng anh Đ không có mặt tại Tòa án để làm bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên tòa.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh**

Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại các Điều 26, 35, 40, 68, 93, 195, 196, 203; Về thẩm quyền thụ lý, việc xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đã đúng quy định. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định. Đảm bảo về mặt thời hạn chuẩn bị xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa: đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc chấp hành pháp luật của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn là chị H và anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ nhưng chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H.

Đối với bị đơn là anh Đ đã được Tòa án triệu tập và niêm yết hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 xét xử vắng mặt anh Đ.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu cả trong hồ sơ vụ án, đã trực tiếp xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8481060/HĐTD, ngày 19/6/2016, giữa Ngân hàng TMCP Đ với anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị H, lập thành do hai bên tự nguyện ký một bên cả một ý chí liên nhuần còn bên kia sử dụng vào sửa chữa nhà ở, tại thời điểm ngân hàng khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với anh Đ và chị H, anh Đ có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ (nay là thôn C), xã Q, thành phố T, anh đã bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa ra Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú; chị H có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại: thôn Đ (nay là thôn C), thành phố T. Do vậy khi cả tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Việc Tòa

án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị H.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Đ.

Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc là 4.000.000đ. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu trả tiền nợ gốc 4.000.000đ của ngân hàng.

[2] Về thời hiệu: Hìp @ảg tĩn đong gi÷a hai b^n thuéc lo^i vay dài h^n theo dư nợ giảm dần chia làm nhiều kỳ, kỳ trả nợ hàng tháng vào ngày 25, số tiền gốc trả hàng kỳ là 2.500.000 đồng, tiền lãi trả vào ngày 25 hàng tháng. Qu, trnh thuc hiõn b^n vay @. kh«ng tr¶ được @óng h^n. Như vậy b^n vay @. vi ph¹m nghĩa vô thanh to, n cam kết theo Hìp @ảg tĩn đong. Do vậy việc Ngõn h¹ng TMCP Đ khời kiõn y¹u cõu anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị H trả nî lụ cõn thêi hiõu quy @pnh t¹i kho¶n 1 §iõu 184 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 429 Bộ Luật dân sự năm 2015.

[3]. Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị H trả nợ cho ngân hàng số nợ gốc 106.500.000 đồng:

Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8481060/HĐTD, ngày 19/6/2016, ở phần bên vay ghi tên mình anh Nguyễn Văn Đ nhưng cả chị H và anh Đ cùng ký tên vào hợp đồng, mục đích vay tiền sử dụng vào việc sửa chữa nhà ở cho vợ chồng. Mặt khác, theo các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ chung về tài sản do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, trách nhiệm liên đới của vợ, chồng đối với giao dịch do một bên thực hiện do đó buộc anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả các khoản nợ trên cho Ngân hàng là phù hợp.

Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa ngân hàng với anh Đ và chị H là hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên xác định là hợp pháp và có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai của chị H, chị H thống nhất về số nợ gốc như yêu cầu trên của nguyên đơn. Do anh Đ và chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ gốc theo hợp đồng

tín dụng đã ký là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, căn cứ vào Điều 471; 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ đối với số nợ gốc.

[4]. Về lãi suất: Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc anh Đ và chị H phải trả số tiền lãi từ ngày 25/7/2017 cho đến ngày 30/12/2019 là 34.760.014 đồng, trong đó: Lãi trong hạn là 19.002.948 đồng, lãi quá hạn là 15.757.066 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là chị H thừa nhận mới chỉ thanh toán tiền lãi đến ngày 25/7/2017. Như vậy kể từ ngày 25/7/2017, anh Đ và chị H chưa thanh toán được tiền lãi cho Ngân hàng. Nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi là có cơ sở, căn cứ Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về số nợ lãi.

[3]. Về tài sản thế chấp: Anh Đ và chị H đã tự nguyện mang tài sản của mình là Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 323-1, tờ bản đồ số 3, địa chỉ thửa đất tại thôn Đ (nay là thôn C), xã Q, thành phố T, đã được UBND thành phố T, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 584769 ngày 09/01/2014, mang tên anh Nguyễn Văn Đ theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/8481060/HĐBĐ ngày 19/4/2016 do Văn phòng công chứng H chứng nhận để bảo đảm cho giao dịch trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Thanh Hóa.

Việc ký kết các biện pháp đảm bảo do các bên tự nguyện, được lập thành văn bản, tài sản bảo đảm thuộc quyền sở hữu của bên bảo đảm, đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật nên xác định là hợp pháp và các bên có nghĩa vụ thực hiện. Ngày 17/10/2019, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản bảo đảm, tài sản bảo đảm không thay đổi so với thời điểm ngân hàng nhận thế chấp.

Do vậy trong trường hợp anh Đ, chị H không trả được số nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm nêu trên để đảm bảo khoản nợ cho Ngân hàng.

[4] Về án phí: Ngân hàng Đ không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 3.201.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thanh Hóa

Anh Đ, chị H phải chịu án phí theo khoản 2 Điều 26; điểm b tiểu mục 1.3 mục 1 phần I Mục A Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH 14 về quy định mức án phí, LỖ PHÍ Tố tụng.

Vụ án, c. l. tr. 1.

Quyết định:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 184, Điều 227, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 302, 305, 355, 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình

Điều 429, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Khoản 2 Điều 26; điểm b tiểu mục 1.3 mục 1 phần I Mục A Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu đối với số nợ gốc 4.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị H trả cho Ngân hàng Đ theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/8481060/HĐTD, ngày 19/6/2016 tổng số tiền là 141.260.014 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, trong đó:

Nợ gốc: 106.500.000 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 19.002.948 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 15.757.066 đồng.

Kể từ sau ngày tuyên bản án, thêm anh Đ và chị H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi với khoản tiền nêg chưa thanh toán cho Ngân hàng Đ khi thanh toán xong khoản tiền nêg, theo mức lãi suất thảo thuê trong hợp đồng tín dụng số 01/2016/8481060/HĐTD, ngày 19/6/2016.

Kể từ khi bản án cũ hiều lực ph, p luật, Ngân hàng Đ cũ n yâu cộ thi hính n, nếu anh Đ và chị H khng thi hính hoặc thi hính khng ộ n kho n tiền nê tran, thì Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam cũ quyền yâu cộ c quan Thi hính n đon sù thành phố Thanh Hóa kê biên, phát mại xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật toun bé tại s n thổ chấp ộ ộ m b o cho viôc thi hính n gồm: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 323-1, tờ bản đồ số 3, địa chỉ thửa đất tại thôn Đ (nay là thôn C), xã Q, thành phố T đã được UBND thành phố T, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 584769 ngày 09/01/2014, mang tên anh Nguyễn Văn Đ theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/8481060/HĐBĐ ngày 19/4/2016, đã ký giữa Ngân hàng với anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị H.

Về án phí: Ngân hàng Đ không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 3.201.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên lai thu tiền số AA/2017/0006646 ngày 19/12/2018.

Anh Đ và chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 7.063.000 đồng.

Người được thi hình , n đơn sù, người phải thi hình , n đơn sù cả quyền thoả thuận thi hình , n, yêu cầu thi hình , n, tù nguyên thi hình , n hoặc bị cưỡng chỗ thi hình , n theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hình , n đơn sù; Thêi hiều thi hình , n được thực hiển theo quy định tại điều 30 Luật thi hình , n đơn sù.

Nguyên đơn cả quyền kh, ng c, o trong h¹n 15 ngày kó tổ ngày tuyền , n. Bị đơn cả quyền kh, ng c, o trong h¹n 15 ngày kó tổ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

N-i nhỄn:

- C, c @ư-ng sù;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa
- THADS TP Thanh Hóa;
- Lưu hủ s-.

TM. húi @ảng xĐt xö s- t hỄm
ThỄm ph, n - Chñ t ảa phi^a n t ảa

Trần Thị Thu Phương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Loan Nguyễn Hồng Vân Trần Thị Thu Phương

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút ngày 30 tháng 12 năm 2019;

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Vân;

Bà Nguyễn Thị Loan.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 03/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Địa chỉ: Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức Tú - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: + Ông Đậu Khắc Liên - Giám đốc phòng giao dịch Đinh Công Tráng, BIDV Thanh Hóa.

+ Ông Đặng Cẩm Hương - Phó trưởng phòng

Quản lý rủi ro, BIDV Thanh Hóa.

(Quyết định ủy quyền số 34B/QĐ-BIDV.TH ngày 15/01/2019)

Bị đơn: - Anh Nguyễn Văn Dương, sinh năm 1977.

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn Đông Hòa (nay là thôn Chính Hảo), xã Quảng Đông, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Chị Nguyễn Thị Hạnh, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn Đông Hòa (nay là thôn Chính Hảo), xã Quảng Đông, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU :**

- Về điều luật: Căn cứ khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 184, Điều 227, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 302, 305, 355, 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình

Điều 429, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Khoản 2 Điều 26; điểm b tiểu mục 1.3 mục 1 phần I Mục A Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

- Về nội dung:

1. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu đối với số nợ gốc 4.000.000đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam:

Buộc anh Nguyễn Văn Dương và chị Nguyễn Thị Hạnh trả cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/8481060/HĐTD, ngày 19/6/2016 tổng số tiền là 141.260.014 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, trong đó:

Nợ gốc: 106.500.000 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 19.002.948 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 15.757.066 đồng.

Kó tổ sau ngày tuyên bố, nên thêm anh Dương và chị Hạnh phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi với khoản tiền nêg chưa thanh toán cho Ngân khi thanh toán xong khoản tiền nêg, theo mức lãi suất thảa thuê trong hâp ngân tyn đông số 01/2016/8481060/HĐTD, ngày 19/6/2016.

Kó tổ khi bản, nên cũ hiều lúc ph, p luật, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam cũ nên yâu cũ thi hính, nên nếu anh Dương và chị Hạnh khng thi hính hoặc thi hính khng cũy cũn khoản tiền nê tran, thx Ngân hính Đầu tư và Phát triển Việt Nam cũ quyền yâu cũ c- quan Thi hính, nên dùn sù thành phố Thanh Hóa kê biên, phát mại xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật toun bé tại sñn thổ chếp cũ cũm bñ cho vióc thi hính, nên gồm: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 323-1, tờ bản đồ số 3, địa chỉ thửa đất tại thôn Đông Hòa (nay là thôn Chính Hảo), xã Quảng Đông, thành phố Thanh Hóa, đã được UBND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 584769 ngày 09/01/2014, mang tên anh Nguyễn Văn Dương theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/8481060/HĐBĐ ngày 19/4/2016, đã ký giữa Ngân hàng với anh Nguyễn Văn Dương và chị Nguyễn Thị Hạnh.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

- Về án phí: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 3.201.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên lai thu tiền số AA/2017/0006646 ngày 19/12/2018.

Anh Dương và chị Hạnh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 7.063.000 đồng.

Người được thi hính, nên dùn sù, người phải thi hính, nên dùn sù cũ quyền thoñ thuê thi hính, nên yâu cũ thi hính, nên tù nguyên thi hính, nên hoặc bñ cưỡng chỗ thi hính, nên theo quy ãnh tñi cũ cũ ãi ãu 6, 7 và 9 luật thi hính, nên dùn sù; Thêi hiều thi hính, nên được thuc hiển theo quy ãnh tñi cũ ãi ãu 30 luật thi hính, nên dùn sù.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn cũ quyền kh, ng cũ, o trong hñn 15 ngày kó tổ ngày tuyên, nên. Bị đơn cũ quyền kh, ng cũ, o trong hñn 15 ngày kó tổ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút, ngày 30 tháng 12 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Loan

Trần Thị Thu Phương

Nguyễn Hồng Vân

TP Thanh Hóa, ngày 26 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

Tôi là: Trần Thị Thu Phương; Chức vụ: Thẩm phán.

Được phân công giải quyết, xét xử vụ án dân sự thụ lý số 03/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Địa chỉ: Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức Tú - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: + Ông Đậu Khắc Liên – Giám đốc phòng giao dịch Đinh Công Tráng – BIDV Thanh Hóa.

+ Ông Đặng Cẩm Hương – Phó trưởng phòng

Quản lý rủi ro – BIDV Thanh Hóa.

(Quyết định ủy quyền số 34B/QĐ-BIDV.TH ngày 15/01/2019)

Bị đơn: - Anh Nguyễn Văn Dương.

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn Đông Hòa, xã Quảng Đông, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Chị Nguyễn Thị Hạnh – sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn Đông Hòa, xã Quảng Đông, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2018 và bản tự khai ngày 19/02/2019, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày: Ngày 19/4/2016, giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và anh Nguyễn Văn Dương, chị Nguyễn Thị Hạnh có ký Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8481060/HĐTD, cho anh Dương và chị Hạnh vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay: sửa chữa nhà ở; Lãi suất cho vay trong hạn: áp dụng theo chương trình của gói tín dụng “An gia lập nghiệp năm 2016” với mức lãi suất 7,95%/năm trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu. Hết thời hạn 12 tháng ưu đãi của chương trình áp dụng lãi suất cho vay đối với sản phẩm cùng loại theo quy định của BIDV Thanh Hóa theo từng thời kỳ và được điều chỉnh 06 tháng/01 lần vào ngày 01/01 và ngày 01/7 hàng năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Kế hoạch trả nợ: nợ gốc được trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả gốc đầu tiên là ngày 25/05/2016, số tiền trả mỗi kỳ là 2.500.000đ; lãi vay được bên vay trả định

kỳ hàng tháng vào ngày 25.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 323-1, tờ bản đồ số 3, địa chỉ tại thôn Đông Hòa, xã Quảng Đông, thành phố Thanh Hóa, đã được UBND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 584769 ngày 09/01/2014, mang tên anh Nguyễn Văn Đương theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/8481060/HĐBĐ ngày 19/4/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh Đương và chị Hạnh đã trả được cho ngân hàng: 43.500.000 đ. Anh Đương, chị Hạnh vi phạm nghĩa vụ trả nợ, chuyển sang nợ quá hạn từ ngày ngày 25/7/2017

Tính đến ngày 25/10/2018, anh Đương, chị Hạnh còn nợ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tổng số tiền 128.043.380 đồng, trong đó:

Nợ gốc: 110.500.000 đồng ;

Nợ lãi trong hạn: 11.905.147 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 5.638.233 đồng

Nay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn Đương và chị Nguyễn Thị Hạnh trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tổng số tiền nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh từ ngày 26/10/2018 cho đến ngày anh Đương và chị Hạnh trả hết nợ gốc cho Ngân hàng theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 01/2016/8481060/HĐTD ngày 19/4/2016.

Nếu anh Đương, chị Hạnh không trả được các khoản nợ trên cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản thế chấp nêu trên.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Nguyễn Thị Hạnh trình bày tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 17/10/2019:

Ngày 19/4/2016, giữa vợ chồng chị là Nguyễn Văn Đương và Nguyễn Thị Hạnh có ký hợp đồng tín dụng số 01/2016/8481060/ HĐTD với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để vay số tiền 150.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay: sử chữa nhà ở; Lãi suất cho vay trong hạn: 7,95%/năm trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu. Hết thời hạn 12 tháng ưu đãi được điều chỉnh 06 tháng/01 lần vào ngày 01/01 và ngày 01/7 hàng năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 323-1, tờ bản đồ số 3, địa chỉ tại thôn Đông Hòa, xã Quảng Đông, thành phố Thanh Hóa, đã được UBND thành phố Thanh

Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 584769 ngày 09/01/2014, mang tên ông Nguyễn Văn Dương theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/8481060/HĐĐ19/4/2016

Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng chị đã trả được cho ngân hàng: 43.500.000 đ, vợ chồng chị vi phạm nghĩa vụ trả nợ, chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 25/7/2017.

Tính đến ngày 25/10/2018, vợ chồng chị còn nợ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tổng số tiền 128.043.380 đồng, trong đó:

Nợ gốc: 110.500.000 đồng ;

Nợ lãi trong hạn: 11.905.147 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 5.638.233 đồng

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tổng số tiền nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh từ ngày 26/10/2018 cho đến ngày vợ chồng chị trả hết nợ gốc cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 01/2016/8481060/ HĐTD ngày 19/4/2016 thì chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Nếu vợ chồng chị không trả được nợ cho Ngân hàng thì chị cũng đồng ý để Ngân hàng kê biên, phát mại tài sản thế chấp nêu trên.

Ngày 14/8/2019, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã có Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú số 08/2019/QĐST-DS ngày 14/8/2019 đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn Dương. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh Dương nhưng anh Dương không có mặt tại Tòa án để làm bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Thẩm phán dự kiến đề xuất giải quyết vụ án:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26; Điều 271; Điều 273 BLTTDS; Điều 463; 466, 468 470 BLDS; khoản 2 Điều 26; điểm b tiêu mục 1.3 mục 1 phần I Mục A Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH 14 về quy định mức , n phí, Lỗ phí Toạ , n.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Buộc anh Nguyễn Văn Dương và chị Nguyễn Thị Hạnh trả cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền là 128.043.380 đồng (tạm tính đến ngày 25/10/2018), trong đó:

Nợ gốc: 110.500.000 đồng ;

Nợ lãi trong hạn: 11.905.147 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 5.638.233 đồng

Kó tổ sau ngày tuyên bố, n s- thêm anh Dương và chị Hạnh phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi về với khoản tiền nê gèc chưa thanh toán cho Ồn khi thanh toán xong khoản tiền nê gèc, theo mức lãi suất thảa thuẽn trong hĩp ăng tĩn đông số 01/2016/8481060/HĐTD, ngày 19/6/2016

Kó tổ khi bản, n cũ hiõu lúc ph, p luật, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam cũ n yâu cũu thi hũnh, n, nếu anh Dương và chị Hạnh kh«ng thi hũnh hoặc thi hũnh kh«ng ợy ốĩ khoản tiền nê trẽn, th« Ngân hũng Đầu tư và Phát triển Việt Nam cũ quyền yâu cũu cũ quan Thi hũnh, n đon sũ TP Thanh Hĩa kê biên, phát mại xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật toũn bẽ tại sũĩn thổ chĩp ố ốĩm bĩo cho viõc thi hũnh, n gồm: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 323-1, tờ bản đồ số 3, địa chỉ thửa đất tại thôn Đông Hòa, xã Quảng Đông, thành phố Thanh Hĩa, đã được UBND thành phố Thanh Hĩa, tỉnh Thanh Hĩa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 584769 ngày 09/01/2014, mang tên anh Nguyễn Văn Dương theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/8481060/HĐBĐ ngày 19/4/2016, đã ký giữa Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam và anh Nguyễn Văn Dương, chị Nguyễn Thị Hạnh.

Về án phí: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 3.201.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thanh Hĩa theo biên lai thu tiền số AA/2017/0006646 ngày 19/12/2018.

Anh Dương và chị Hạnh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là:.....

Ý kiến của lãnh đạo phụ trách:

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Phương

